TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HS-ST
Ngày: 20-10-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Nguyễn Yến Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thắng
Ông Lê Thành Đông

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Yến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà***: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 42/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

NGUYỄN THANH T, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp B1, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 và bà Đỗ Thị Thanh L, sinh năm 1968; Vợ: Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1991; Có 01 người con sinh năm 2013; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- *Bị hại:* Ông Đặng Văn A, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng:*
Ông Dương Thái B, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 18/5/2020, Nguyễn Thanh T dùng dụng cụ kích điện để bắt cá đi ngang nhà ông Đặng Văn A ở ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre phát hiện xe mô tô biển số 71H3-5749 để trước cửa nhà không người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm. Thực hiện ý định, T dùng tua vít mở khóa xe và điều khiển xe đến nhà ông Dương Thái B ở ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre gửi. Đến 19 giờ cùng ngày, T đến nhà ông B lấy xe mô tô biển số 71H3-5749 với ý định đi tiêu thụ, nhưng khi T điều khiển xe đến khu vực ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng Công an huyện G, tỉnh Bến Tre phát hiện yêu cầu dừng xe kiểm tra và lập biên bản sự việc.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số 71H3-5749, trên xe không có chìa khóa, ổ khóa trạng thái mở.

- 01 đèn pin loại đèn pin đội đầu màu xanh, dây đeo màu đen đã qua sử dụng.

Theo Biên bản kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐG ngày 30/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 xe mô tô biển số 71H3-5749, trị giá 7.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSGT ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 09 tháng đến 18 tháng tù.

- Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận bị hại Đặng Văn A đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì khác. Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy 01 đèn pin loại đèn pin đội đầu màu xanh, dây đeo màu đen đã qua sử dụng.

Bị cáo Nguyễn Thanh T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố, đồng thời yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại và người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã có lời khai rõ ràng và phần trách nhiệm dân sự đã được thỏa thuận giải quyết xong nên sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thanh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh hiện trường, bản ảnh thực nghiệm điều tra, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 18/5/2020, tại nhà ông Đặng Văn A ở ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo Nguyễn Thanh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Đặng Văn A 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 71H3-5749. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi T đang điều khiển xe đi tiêu thụ thì bị lực lượng Công an phát hiện thu giữ tang vật. Kết quả định giá tài sản xác định, tài sản bị cáo chiếm đoạt của ông Đặng Văn A có giá trị là 7.500.000 đồng.

[4] Bị cáo Nguyễn Thanh T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân có giá trị trên 2.000.000 đồng nhưng chưa đến 50.000.000 đồng với lỗi cố ý trực tiếp vì động cơ tư lợi, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Nhưng xuất phát từ bản tính tham lam, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống, kinh tế và sinh hoạt của họ, gây mất trật tự, an toàn xã hội và bất bình trong nhân dân nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Mặc dù nhân thân của bị cáo được xác định không có tiền án, tiền sự, nhưng qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy bị cáo đã từng bị Tòa án kết án về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa) nhưng bị cáo không từ bỏ mà tiếp tục phạm tội. Đồng thời, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã không chấp hành tốt pháp luật, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi dùng

máy kích điện xách tay khai thác thủy sản. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng như: phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, có thái độ khai báo thành khẩn, gia đình của bị cáo là gia đình chính sách có công với đất nước, bị cáo có con nhỏ theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét về hoàn cảnh kinh tế, bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Đặng Văn A đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 71H3-5749 và không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án hiện đang thu giữ bao gồm: 01 đèn pin loại đèn pin đội đầu màu xanh, dây đeo màu đen đã qua sử dụng. Xét thấy, bị cáo đã sử dụng đèn pin để đi thực hiện hành vi phạm tội và hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với Dương Thái B có hành vi chứa chấp xe mô tô biển số 71H3-5749 do bị cáo gửi, tuy nhiên ông B không biết xe do bị cáo trộm mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thanh T 09 (chín) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đèn pin loại đèn pin đội đầu màu xanh, dây đeo màu đen đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/10/2020, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre đang quản lý)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện G (1b);
- Cơ quan điều tra CA huyện G (1b);
- Cơ quan THAHS CA huyện G (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện G (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã B, huyện G (1b);
- Bị cáo, bị hại (2b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương